TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2025/DS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Duyên
2. Ông Võ Văn Hiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng V, sinh năm: 1979; địa chỉ: số B ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964; địa chỉ: D Cư xá P, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm: 1980; địa chỉ: số A ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre và bà Huỳnh Thị L1, sinh năm: 1978; địa chỉ: số A ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2025, bản tự khai ngày 26/5/2025, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phạm Hoàng V và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Dương Kim H trình bày:

Vào khoảng năm 2016, ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 có đến cửa hàng thức ăn thủy sản của ông Phạm Hoàng V để hợp đồng mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm, các bên chỉ thỏa thuận hợp đồng bằng lời nói, không lập thành văn bản. Hai bên thỏa thuận là ông Phạm Hoàng V sẽ cung cấp thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 theo yêu cầu đặt hàng của ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1, mỗi khi giao hàng ông V có ghi vào sổ theo dõi mua bán, bà L1 có ký tên. Việc nuôi tôm của ông L và bà L1 để phục vụ phát triển kinh tế gia đình. Thỏa thuận thời hạn thanh toán công nợ vào cuối mỗi vụ thu hoạch tôm thì ông L và bà L1 phải có nghĩa vụ trả tiền thức ăn cho ông V. Hợp đồng mua bán cho đến năm 2019 thì ông L và bà L1 không còn mua bán với ông V nữa nhưng chưa thanh toán đầy đủ tiền còn nợ cho ông V. Ngày 22/9/2019, tổng kết nợ lại thì ông L và bà L1 còn nợ ông V số tiền 84.254.000 đồng, bà L1 có ký tên xác nhận nợ vào sổ theo dõi mua bán của ông V, từ thời điểm xác nhận nợ cho đến nay ông L và bà L1 không thanh toán tiền nợ cho ông V, nhiều lần ông V yêu cầu ông L và bà L1 thanh toán nợ nhưng cứ hứa hẹn mà không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/3/2025 với mức lãi suất là 10%/năm, số tiền lãi tạm tính là 16.783.000 đồng (tính tròn số). Đồng thời, yêu cầu tính lãi phát sinh đến khi giải quyết xong vụ án, nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Ông Phạm Hoàng V khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán còn nợ là 84.254.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi và không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hoàng V yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 trả tiền mua bán còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông

Nguyễn Dương Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Dương Kim H. Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1.

[3] Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/3/2025 với mức lãi suất là 10%/năm, số tiền lãi là 16.783.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi phát sinh đến khi giải quyết xong vụ án, trong quá trình tố tụng nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung xin rút toàn bộ yêu cầu tính lãi, xét việc xin rút lại yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất của của nguyên đơn.

[4] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn ông Phạm Hoàng V yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán còn nợ là 84.254.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy khi khởi kiện nguyên đơn có giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là sổ theo dõi mua bán trong đó có nội dung thể hiện như sau: *"tổng cộng nợ đến ngày 22/09/2019 là: 84.254.000 (tám mươi bốn triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn) – L1 – Huỳnh Thị L1"* (Bút lục số 35). Trong quá trình tố tụng, ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được tống đạt các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp; đồng thời Tòa án cũng ban hành Thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ để ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày ý kiến đối với tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, xem như ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình, Hội đồng xét xử công nhận tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[6] Như vậy, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Phạm Hoàng V với ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn

ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 chưa thanh toán cho ông Phạm Hoàng V số tiền mua bán 84.254.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Hoàng V. Xét yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của nguyên đơn đối với bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo quy định (Bút lục 58), việc mua thức ăn nuôi tôm là để phục vụ kinh tế chung của gia đình. Do đó, buộc ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Hoàng V số tiền mua bán còn nợ 84.254.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[7] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng V được chấp nhận nên ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Án phí được tính như sau: 84.254.000 đồng x 5% = 4.212.700 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hoàng V đối với bị đơn ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 đối với yêu cầu tính lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hoàng V đối với bị đơn ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1. Buộc ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Hoàng V số tiền mua bán còn nợ là 84.254.000 đồng (T mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Nguyên đơn ông Phạm Hoàng V không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

3.1. Ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị L1 có nghĩa vụ liên đới nộp 4.212.700 đồng (Bốn triệu, hai trăm mười hai nghìn, bảy trăm đồng).

3.2. Ông Phạm Hoàng V được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.525.000 đồng (Hai triệu, năm trăm, hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010932 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Văn Tú